| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP**<br>THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 658/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 5 - 2023
*V/v: Tranh chấp Ly hôn*

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa Bên tòa:* Bà Vũ Thị Huệ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Châu Thị Lệ
2. Bà Nguyễn Thị Lý

***- Thư ký Pên tòa***: Bà Dương Thị Thảo Nguyên là Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh*** tham gia Pên tòa: Ông Nguyễn Bá Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 132/2023/TLST-HNGĐ ngày 08/02/2023 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn Pên tòa số 147/QĐST-HPT ngày 05 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Bà Trương Châu Ngọc D, sinh năm 1991; địa chỉ: Số 499/13 đường Q, Phường 10, Quận G, Thành phố H, (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

*2. Bị đơn*: Ông Lê Đức D, sinh năm 1984; địa chỉ: địa chỉ: Số 499/13 đường Q, Phường 10, Quận G, Thành phố H. (Vắng mặt).

## NỘI D VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ngày 08/02/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Trương Châu Ngọc D trình bày và yêu cầu:*

Bà và ông Lê Đức D nguyện chung sống với nhau 2016, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 114 do Ủy ban nhân dân Phường 9, quận G, Thành phố H cấp ngày 25/10/2016. Quá trình chung sống có một con chung là Lê Châu Yến P, sinh ngày 25/11/2019. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do không hòa hợp về tính tình, bất đồng quan điểm sống, ông D không có trách nhiệm với gia đình,

vợ con nên cuộc sống chung không có hạnh phúc. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn tình cảm. Vì vậy bà đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông D để hai bên ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn ông Lê Đức D vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông D và không tiến hành hòa giải giữa các đương sự được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án và tại bên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại bên toà hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội D: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Pên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại Pên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1].Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Theo đơn khởi kiện của bà Trương Châu Ngọc D quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn cư trú tại quận G nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố H theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ tham gia bên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự

*[2].Về nội D*:

Hôn nhân giữa bà Trương Châu Ngọc D và ông Lê Đức D là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 114 do Ủy ban nhân dân Phường 9, quận G, Thành phố H cấp ngày 25/10/2016.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hôn nhân chỉ đạt được mục đích khi xuất phát từ tình thương yêu giữa hai vợ chồng, cùng vun đắp, chăm sóc lẫn nhau để xây dựng một gia đình hạnh phúc.

Căn cứ vào lời khai của bà D thể hiện nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà D và ông D là do không hòa hợp về tính tình, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mạnh ai nấy sống. Ông D mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa để hòa giải hay có văn bản phản hồi chứng tỏ ông D không quan tâm đến cuộc sống hôn nhân này nên không có thiện chí đến Tòa để hòa giải đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa bà D và ông D là có thật, đã trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D theo quy định tại Điều 51, Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

*Về con chung:* Có một con chung là Lê Châu Yến P, sinh ngày 25/01/2019. Bà D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Mặc dù được Tòa án triệu tập ông D nhiều lần nhưng ông D không có ý kiến phản hồi về yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của bà D. Do đó yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà D là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, bà D không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

*[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp về việc giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.*

*[4]. Về án phí:* Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số số 0012628 ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà D đã nộp đủ án phí.

*[5]. Về quyền kháng cáo*: Bà Trương Châu Ngọc D, ông Lê Đức D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35,khoản 4 Điều 147, Điều 220,khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Châu Ngọc D

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Châu Ngọc D được ly hôn với ông Lê Đức D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 114 do Ủy ban nhân dân Phường 9, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/10/2016 hết hiệu lực.

2.Về con chung: Giao con chung là Lê Châu Yến P, sinh ngày 25/01/2019 cho bà Trương Châu Ngọc D được trực tiếp nuôi dưỡng, bà Trương Châu Ngọc D không yêu cầu ông Lê Đức D cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Đức D không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người không trực tiếp nuôi con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

*3.* Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*4.* Về án phí: Bà Trương Châu Ngọc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0012628 ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố H. Bà Trương Châu Ngọc D đã nộp đủ án phí.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự,

người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

*5.* Về quyền kháng cáo: Bà Trương Châu Ngọc D, ông Lê Đức D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND Q. Gò Vấp;
- CCTHADS Q.Gò Vấp;
-UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PÊN TÒA**

**Vũ Thị Huệ**